

PHƯƠNG ÁN ĐỀN BÙ, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG LIÊN
HUYỆN HUA NÁ - PÁ LIẾNG (XÃ ẮNG CANG HUYỆN MƯỜNG ẮNG) ĐI LỘNG KHẨU CẨM (XÃ MƯỜNG PHẪNG HUYỆN ĐIỆN BIÊN)
NAY LÀ THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Mường Ắng)

Stt	Họ và tên/ Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí	Đvt	Diện tích/ Số lượng/Khối lượng tài sản	Đơn giá	Mức Hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)			Nguồn gốc đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
1	Vừ A Sính - Hồ Thị Thủy								105.915.520					
	CCCD: 011085001257, ngày cấp 04/6/2025, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH													
	Điện thoại: 0343412699													
	Địa chỉ thường trú: Bản Hua Nậm, xã Mường Ắng, tỉnh Điện Biên													
a	Bồi thường về đất					2.042,1			38.447.850					
	Đất NTS	1	1	VT3	m ²	274	27.000		7.398.000				Do ông Vừ A Dế khai hoang và sử dụng làm đất nuôi trồng thủy sản năm 1985 đến năm 2010 tặng cho con trai là ông Vừ A Sính sử dụng ổn định từ đó đến nay	Bồi thường về đất theo điều 91,95 luật đất đai năm 2024
	Đất NHK	2	1	VT3	m ²	1387,9	16.500		22.900.350					
	Đất NHK	3	1	VT3	m ²	380,2	16.500		6.273.300					
	Đất LUK	5	1	VT3	m ²	70,8	26.500		1.876.200					
b	Bồi thường về tài sản VKT								-					
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								18.711.170					
	Thửa 5 tờ 1								1.452.700					
	Cây ổi trồng năm thứ 2				Cây	1	102.700		102.700					
	Cây gỗ tạp đường kính thân 7-<10 cm				Cây	6	65.000		390.000					
	Cây gỗ tạp đường kính thân > 20 cm				Cây	6	160.000		960.000					
	Thửa 3 tờ 1								336.000					
	Cây dơi trồng năm thứ nhất (đường kính gốc 1-<3cm)				Cây	12	28.000		336.000					
	Thửa 2 tờ 1								16.922.470					

Stt	Họ và tên/ Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí	Đvt	Diện tích/ Số lượng/Khối lượng tài sản	Đơn giá	Mức Hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)			Nguồn gốc đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Cây cà phê trồng năm thứ nhất				Cây	312	20.400		6.364.800					
	Cây cà phê trồng năm thứ 10: 7 cây				Kg	248,42	9.600		2.384.870					
	Thửa 1 tờ 1													
	Sân lượng ao nuôi cá hỗn hợp cá				m²	510,80	16.000		8.172.800					
d	Hỗ trợ								48.756.500					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp					2042,1								
	Đất NTS	1	1	VT3	m²	274	26.000	2,5 lần	17.810.000					Theo Điều 15 QĐ 37/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Điện Biên
	Đất NHK	2	1	VT3	m²	1387,9	15.000	1 lần	20.818.500					
	Đất NHK	3	1	VT3	m²	380,2	15.000	1 lần	5.703.000					
	Đất LUK	5	1	VT3	m²	70,8	25.000	2,5 lần	4.425.000					
2	Vừ A Sùng - Hờ Thị Chừ								97.969.200					
	CCCD: 011068000333, ngày cấp 16/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH													
	Điện thoại: 0976070928													
	Địa chỉ thường trú: Bản Pá Liếng, xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên													
a	Bồi thường về đất					3.066,80			50.602.200					
	Đất NHK	1	2	VT3	m²	1018	16.500		16.797.000				Đất do ông Vừ A Sùng khai hoang năm 1989 sử dụng trồng lúa nương ổn định từ đó đến nay	Bồi thường về đất theo điều 91,95 luật đất đai năm 2024
	Đất NHK	47B	5	VT3	m²	2048,8	16.500		33.805.200					
b	Bồi thường về tài sản VKT													
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								1.365.000					
	Cây gỗ tạp đường kính thân 7-<10 cm				Cây	21	65.000		1.365.000					
d	Hỗ trợ					3066,8			46.002.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp													
	Đất NHK	1	2	VT3	m²	1018	15.000	1 lần	15.270.000					Theo Điều 15 QĐ 37/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm

Stt	Họ và tên/ Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí	Đvt	Diện tích/ Số lượng/ Khối lượng/ Tài sản	Đơn giá	Mức Hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)			Nguồn gốc đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Đất NHK	47B	5	VT3	m ²	2048,8	15.000	1 lần	30.732.000					14 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Điện Biên
3	Mùa A Chia - Lầu Thị Đỡ								1.840.009					
	CCCD: 011087000796, ngày cấp 16/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH													
	Điện thoại: 0838497619													
	Địa chỉ thường trú: Bản Hua Nậm, xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên													
a	Bồi thường về đất					45,20			745.800					
	Đất NHK	4	1	VT3	m ²	45,2	16.500	1 lần	745.800				Do ông Mùa Phái Dia khai hoang năm 1985 sử dụng làm đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác đến năm 2005 tặng cho con trai là Mùa A Chia sử dụng ổn định từ đó đến nay	Bồi thường về đất theo điều 91,95 luật đất đai năm 2024
b	Bồi thường về tài sản VKT													
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								416.209					
	Thửa 4 tờ 1													
	Cây chuối > 1m 4 cây x 10,3kg/cây				Cây	41,32	6.200		256.209					
	Cây gỗ tạp đường kính thân > 20 cm				Cây	1	160.000		160.000					
d	Hỗ trợ					45,2			678.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp													
	Đất NHK	4	1		m ²	45,2	15.000	1 lần	678.000					Theo Điều 15 QĐ 37/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Điện Biên
3	UBND xã Mường Ảng								-					
	CCCD: 0, ngày cấp 0, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH													
	Điện thoại: 0													
	Địa chỉ thường trú: Bản Hón, xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên													
a	Bồi thường về đất					3962,2	-			-				

Stt	Họ và tên/ Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí	Đvt	Diện tích/ Số lượng/ Khối lượng tài sản	Đơn giá	Mức Hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)			Nguồn gốc đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Đất CSD	47A	1	VT3	m²	3962,2								
b	Bồi thường về tài sản VKT													
c	Bồi thường cây cối, hoa màu													
d	Hỗ trợ													
	Tổng Cộng					9.116,30			205.724.729					

PHƯƠNG ÁN ĐỀN BÙ, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG LIÊN HUYỆN HUA NÁ - PÁ LIẾNG (XÃ ẮNG CANG HUYỆN MƯỜNG ẮNG) ĐI LỘNG KHẨU CẨM (XÃ MƯỜNG PHẪNG, HUYỆN ĐIỆN BIÊN) NAY LÀ THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Mường Ảng)

ĐVT: Đồng

TT	Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích thu hồi	Bồi thường về đất	Bồi thường về TS, VKT	Bồi thường về cây trồng vật nuôi	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Tổng cộng
	XÃ MƯỜNG ẮNG						
1	Vừ A Sính - Hờ Thị Thuỷ	2.042,10	38.447.850	0	18.711.170	48.756.500	105.915.520
2	Vừ A Sùng - Hờ Thị Chứ	3066,8	50.602.200	0	1.365.000	46.002.000	97.969.200
3	Mùa A Chia - Lầu Thị Đỡ	45,20	745.800	0	416.209	678.000	1.840.009
4	UBND xã Mường Ảng	3.962,20	0	0	0	0	0
	Tổng	9.116,30	89.795.850	0	20.492.379	95.436.500	205.724.729